TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-PT
Ngày 17 - 4 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tân

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Q, sinh ngày 01/01/1991; Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Trương Văn L, sinh ngày 07/02/1986; Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Nguyễn Thị S, sinh ngày 01/01/1994; Địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu Liêu (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2023 của nguyên đơn, đơn yêu cầu phản tố của bị đơn đề ngày 31/10/2023, các bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q và bị đơn anh Trương Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, chị Nguyễn Thị Q và anh Trương Văn L có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 03/8/2009 theo quy định của pháp luật.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ, hiện tại anh chị không còn tình cảm nên chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Văn L, anh L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q.

- Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị Qvà anh L có 02 người con chung tên Trương Phương H, sinh ngày 04/9/2009 và Trương Mỹ M, sinh ngày 10/10/2018. Hiện tại cháu Phương H đang sống cùng với chị Q, còn cháu M M đang sống cùng với anh L.

Khi ly hôn chị Q và anh L đều có yêu cầu được nuôi cháu M M, còn cháu Phương H có nguyện vọng sống cùng với ai thì người đó nuôi. Anh L và chị Q đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Phương H và cháu M M.

- Về tài sản chung:

+ Theo chị Qxác định tài sản chung của vợ chồng anh chị gồm có 27 chỉ vàng 24k. Trong đó có 20 chỉ vàng 24k là vàng được cha mẹ hai bên cho trong ngày cưới gồm (01 tấm lắc 05 chỉ, 01 sợi dây chuyền 10 chỉ, 02 chiếc vòng đèo tay 04 chỉ và 01 cái mặt dây chuyền 01 chỉ) và 07 chỉ vàng 24k vợ chồng làm dành dụm có được gồm (01 chiếc khâu 05 chỉ và 02 chiếc vòng đeo tay 02 chỉ). Trước đây, chị là người trực tiếp quản lý số tài sản trên, nhưng hiện tại số vàng này chị đã bán để chi xài sinh hoạt trong gia đình hết nên anh L yêu cầu được chia đôi số tài sản chung với chị thì chị không đồng ý, vì số tài sản này hiện nay đã không còn.

+ Anh L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng anh và chị Q có tài sản chung gồm có 42 chỉ vàng 24k. Trong đó, anh chị được cha mẹ cho trong ngày cưới gồm 20 chỉ vàng 24k gồm (01 tấm lắc 10 chỉ, 01 sợi dây chuyền 10 chỉ), sau đó, anh và chị Qlàm để dành có được 22 chỉ vàng 24k gồm (01 chiếc khâu trơn 05 chỉ, 01 chiếc khâu có mặt 05 chỉ, 01 sợi dây chuyền 10 chỉ, 02 chiếc vòng đèo tay 02 chỉ). Hiện tại chị Qđang quản lý tất cả số vàng này nên anh yêu cầu được chia đôi số vàng trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm anh L xác định: Trong thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Q bán hết 42 chỉ vàng 24k để gửi sổ tiết kiệm ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch P với số tiền là 152.000.000 đồng, số tiền bán vàng còn lại chị Q mua bộ vòng đeo tay và sợi dây chuyền khoảng 30 chỉ loại vàng 18k. Nay anh không yêu cầu chia số vàng trên, anh chỉ yêu cầu được chia đôi số tiền gửi tiết kiệm ở Ngân hàng 150.000.000 đồng vì đây là tài sản chung của vợ chồng.

Chị Q xác định: Vào khoảng tháng 12/2022 âm lịch, chị Q có hốt hụi được số tiền hơn 20.000.000 đồng, chị chi xài một khoản, còn lại 20.000.000 đồng chị gửi vào sổ tiết kiệm của chị tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch P, nhưng đến nay chị cũng đã tất toán số tiền trên với Ngân hàng xong. Số tiền này là tài sản riêng của chị chứ không phải tài sản chung của vợ chồng nên chị không đồng ý chia theo yêu cầu của anh L.

- Về nợ chung: Chị Q và anh L thống nhất vợ chồng anh chị chung sống với nhau không có nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị nên khi ly hôn anh chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nợ chung.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị S trình bày*: Vào ngày 05/4/2022, chị S có mở dây hụi 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, dây hụi này có 33 chưng, chị Q tham gia chơi một chưng. Hiện tại chị Q đã hốt chưng hụi này được số tiền hơn 20.000.000 đồng và dây hụi này hiện nay còn khoảng 15 lần nữa mới mãn hụi. Chị S khẳng định do chị Q là người trực tiếp tham gia chơi hụi với chị, nên nay chị Q và anh L ly hôn thì chị S chỉ yêu cầu cá nhân chị Q trả số tiền hụi chết cho chị. Chị S cũng xác định không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, giữa chị S với chị Q sẽ tự thỏa thuận với nhau, nếu có phát sinh tranh chấp thì chị S sẽ khởi kiện chị Q thành vụ kiện khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q. Cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Trương Văn L.

2. Về con chung: Giao người con tên Trương Phương H, sinh ngày 04/9/2009 cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Giao người con tên Trương Mỹ M, sinh ngày 10/10/2018 cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại cháu H đang sống cùng với chị Q, còn cháu M đang sống cùng với anh L nên được giữ nguyên.

Chị Nguyễn Thị Q và anh Trương Văn L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về quan hệ tài sản chung:

4.1. Chia cho anh L được quyền sở hữu số tiền 75.000.000 đồng. Hiện tại chị Q đang quản lý số tiền trên, nên buộc chị Q phải có nghĩa vụ giao lại cho anh L số tiền 75.000.000 đồng.

4.2. Chia cho chị Nguyễn Thị Q được quyền sở hữu số tiền 75.000.000 đồng. Hiện tại chị Q đang quản lý số tiền trên nên được giữ nguyên.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

5. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện thành một vụ kiện độc lập khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 05/02/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q kháng cáo yêu cầu sửa một phần án sơ thẩm, không đồng ý chia cho anh L số tiền 75.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Q; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 09/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với anh Trương Văn L, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ. Anh L có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án huyện P thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[3] *Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:* Đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về nội dung:* Về hôn nhân và con chung: Do tất cả các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với các nội dung này nên quan hệ hôn nhân và con chung theo bản án hôn nhân và gia đình số 09/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Q yêu cầu sửa một phần án sơ thẩm, không đồng ý chia cho anh L số tiền 75.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, anh L xác định tài sản chung của

vợ chồng anh và chị Q là 42 chỉ vàng 24k, Tòa án nhân dân huyện P đã thụ lý yêu cầu của anh L chia đôi tài sản chung của vợ chồng đối với 42 chỉ vàng 24k. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh L cho rằng chị Q đã bán số vàng để gửi tiết kiệm số tiền 152.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu chia đôi số tiền 150.000.00 đồng, không yêu cầu chia đối với số vàng. Do việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh L từ số vàng 42 chỉ 24k thành số tiền tiết kiệm 150.000.000 đồng là không vượt quá phạm vi khởi kiện nên cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[6] Cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ đối với việc chị Q gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng, tại Công văn số 742/NHNNPL-CCTT ngày 05/12/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P xác định: Từ ngày 05/7/2022 đến ngày 29/6/2023, chị Q có đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch P với số tiền gửi là 150.000.000 đồng. Đến ngày 29/6/2023, chị Q đã trực tiếp tất toán và đã rút toàn bộ số tiền tiết kiệm 150.000.000 đồng trên và được số tiền lãi là 5.073.300 đồng.

[7] Ngoài ra, căn cứ lời khai của ông Nguyễn Văn C là cha ruột của chị Q (Biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2023 - BL 37,38) thừa nhận có đến nhà của anh L chị Q gần Tết năm 2022 chứng kiến việc anh L và chị Q mâu thuẫn do chị Q có sổ tiết kiệm, ông C có giữ sổ tiết kiệm này đến ngày 15 tháng Giêng thì giao trả lại cho hai vợ chồng. Do đó, đủ cơ sở chứng minh có sự việc chị Q có gửi tiết kiệm số tiền 150.000.000 đồng trong thời gian hôn nhân tồn tại. Tuy chị Q không thừa nhận có gửi số tiền 150.000.000 đồng, chỉ thừa nhận gửi 20.000.000 đồng là tiền của cá nhân chị có được do hốt hụi. Xét thấy, việc chị Q hốt hụi của chị Nguyễn Thị S được số tiền chỉ khoảng hơn 20.000.000 đồng (Biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị S ngày 15/12/2023 – BL 35,36), do đó, đủ căn cứ chứng minh ý kiến của anh L về việc chị Q bán vàng để gửi tiết kiệm là có xảy ra, cấp sơ thẩm nhận định số tiền 150.000.000 đồng là tài sản chung vợ chồng và chia đều cho anh L, chị Q mỗi người 75.000.000 đồng là có căn cứ, có xem xét, đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện.

[8] Tại cấp phúc thẩm, chị Q cho rằng chị đã không còn đủ số tiền do đã điều trị bệnh và nuôi con, chị còn cho rằng chị nghèo, không có đất sản xuất và còn phải tiếp tục nuôi con. Xét thấy, tại đơn khởi kiện xin ly hôn (BL 10) chị Q không yêu cầu chia tài sản, chị xác định chị có nghề may, có vốn buôn bán, có đất vuông nuôi tôm, có nhà ở đàng hoàng. Còn việc nuôi con do chị không yêu cầu cấp dưỡng, chị không kháng cáo về con chung và cấp dưỡng nuôi con nên Tòa cấp phúc thẩm không xem xét, nếu trong quá trình nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn cần cấp dưỡng thì chị có quyền khởi kiện ở vụ án khác. Ngoài ra, chị Q kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của chị. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị Q là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[9] Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Q kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, chị Q đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng được chuyển thu án phí phúc thẩm toàn bộ.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án số 09/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Q; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 33, 59, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ điểm a, b khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q. Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Trương Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Phương H, sinh ngày 04/9/2009 cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung tên Trương Mỹ M, sinh ngày 10/10/2018 cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại cháu H đang sống cùng với chị Q, cháu M đang sống cùng với anh L nên được giữ nguyên.

Chị Nguyễn Thị Q và anh Trương Văn L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về quan hệ tài sản chung:

4.1. Chia cho anh L được quyền sở hữu số tiền 75.000.000 đồng. Chị Q đang quản lý số tiền trên nên buộc chị Q phải có nghĩa vụ giao lại cho anh L số tiền 75.000.000 đồng.

4.2. Chia cho chị Nguyễn Thị Q được quyền sở hữu số tiền 75.000.000 đồng. Chị Q đang quản lý số tiền trên nên được giữ nguyên.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

6. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành một vụ kiện độc lập khác.

7. Về án phí:

7.1. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006275 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Nguyễn Thị Q phải nộp số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Buộc anh Trương Văn L phải nộp số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), anh L đã nộp tạm ứng án phí 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0006318 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu, buộc anh L nộp tiếp số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

7.2. Án phí phúc thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng; Chị Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006639 ngày 21/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm toàn bộ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND huyện P (01 bản);
- CCTHADS huyện P (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

Châu Minh Nguyệt